TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 267/2024/HC-PT
Ngày: 22-7-2024
V/v: "Khiếu kiện hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các thẩm phán: Ông **Phùng Anh Dũng**

Ông **Phạm Tồn**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Ánh,** Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 49/2024/TLPT-HC ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc "*Khiếu kiện hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 188/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1305/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện***: ông Bùi N, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ B, thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: bà Bùi Thị Thùy D, sinh năm 2000. Địa chỉ: Tổ A, thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Trần Thị Bích D1 - Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q. Địa chỉ: số A L, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố H. Địa chỉ: Số I T, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền của UBND thành phố H: ông Nguyễn Minh L - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của UBND thành phố H*:* ông Nguyễn Thế P - Nhân viên phòng tài nguyên và môi trường thành phố H. Có mặt.

2. Văn phòng Đ. Địa chỉ: Số I H, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền của Văn phòng Đ: ông Trần Văn C - Chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng Đ. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị D2, sinh năm 1935.

2. Bà Đặng Thị P1, sinh năm 1978.

3. Ông Bùi Phước N1, sinh năm 1999.

4. Ông Bùi Phước T, sinh năm 2003.

5. Cháu Bùi Khánh V, sinh năm 2015.

Cùng địa chỉ: Tổ B, thôn G, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người đại diện cho cháu V*:* Ông Bùi N và bà Đặng Thị P1. Ông N có mặt, bà P1 vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông bà D2, P1, T*:* Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1999. Địa chỉ: Tổ A, thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người kháng cáo: Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Từ trước năm 1975, cha mẹ ông là ông Bùi C1 (sinh năm 1936, chết năm 2010) và bà Lê Thị D2 (sinh năm 1935) đã khai phá, tạo lập được một thửa đất với diện tích lớn tại thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Sau đó, hộ gia đình ông được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Hội An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 218675, số vào sổ 01244 QSDĐ/ Xã Cẩm Hà ngày 15/01/1997 đối với 04 thửa đất trong đó có thửa đất số 183 (639), tờ bản đồ số 01 (10), diện tích 1.596m^2, loại đất: đất ở và đất vườn. Do có sự biến động về diện tích nên hiện nay, diện tích còn lại của thửa đất số 183 (639) là

1.133,4m^2 (trong đó đất ở tại nông thôn: 300m^2 và đất trồng cây lâu năm: 833,4m^2).

Hồ sơ đăng ký, kê khai thửa đất kể trên qua các thời kỳ thể hiện cụ thể như sau:

- Theo Chỉ thị 299/TTg là thửa đất số 385, diện tích 964m^2, loại đất T do cha ông là ông Bùi C1 đăng ký, kê khai;

- Theo Nghị định 64/CP là thửa đất số 183, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.596m^2, loại đất T do ông đăng ký, kê khai;

- Theo hồ sơ đo đạc VN2000 là thửa đất số 639, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.541m^2 do ông đăng ký quản lý, sử dụng.

Vào tháng 7/2022, ông đã nộp hồ sơ đến Trung tâm Hành chính công thành phố H để đề nghị xác định lại diện tích đất ở (công nhận diện tích còn lại 833,4m^2 (ngoài hạn mức 300m^2) của thửa đất số 183 (639) là đất ở). Tuy nhiên, đến tháng 8/2022, Bộ phận tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ Hội An trả lại toàn bộ hồ sơ của ông cùng với Công văn số 366/CNVPĐKĐĐ V/v thông tin phản hồi nội dung tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả của Chi nhánh Văn phòng Đ với nội dung:

"1. Căn cứ khoản 1 Điều 12 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/09/2017 của Bộ T2 *quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai thì việc xác định lại diện tích đất ở đối với trường hợp thửa đất có vườn, ao không thuộc trường hợp đăng ký biến động như nội dung Giấy xác nhận.*

2. Nội dung đề nghị giải quyết của người dân tại đơn đăng ký biến động đất đai (công nhận đất thổ cư thành đất ở theo đăng ký 201/CP) không có trong trình tự giải quyết thủ tục hành chính về đất đai thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 3945/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Q.

3. Ngày 16/08/2018 UBND thành phố H *đã có Công văn số 2783/UBND gởi Trung tâm hành chính công về việc tạm dừng tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đề nghị công nhận đất ở trên địa bàn thành phố.*

Vậy, Chi nhánh Văn phòng Đ *thông tin phản hồi và chuyển trả toàn bộ hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố nghiên cứu, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính về đất đai đúng thẩm quyền theo quy định./."*

Theo như nội dung Công văn 366/CNVPĐKĐĐ thì Chi nhánh Văn phòng Đ đã thông tin phản hồi và chuyển trả toàn bộ hồ sơ của ông đến Trung tâm Hành chính thành phố H để nghiên cứu, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính về đất đai đúng thẩm quyền theo quy định. Tuy nhiên Trung tâm

Hành chính công thành phố H đã trả lại toàn bộ hồ sơ của ông. Hộ gia đình ông nhận thấy việc Trung tâm Hành chính công thành phố H và Chi nhánh Văn phòng Đ đã không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ xác định lại diện tích đất ở của gia đình ông là không thực hiện đúng nhiệm vụ, công vụ được giao, bởi lẽ:

Thứ nhất, về căn cứ pháp lý xác nhận đất ở của hộ gia đình ông:

Tại khoản 5, Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai quy định:

"5. Diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp thửa đất ở có vườn, ao đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 1/7/2014 được xác định như sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân sử dụng thửa đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 1/7/2014 thì diện tích đất ở được xác định là diện tích ghi trên Giấy chứng nhận đã cấp;

b) Trường hợp tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận trước đây mà người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định này nhưng diện tích đất ở chưa được xác định theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 103 của Luật Đất đai, khoản 3 Điều này và chưa được xác định lại theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 45 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003, nay người sử dụng đất có đơn đề nghị xác định lại diện tích đất ở hoặc khi Nhà nước thu hồi đất thì diện tích đất ở được xác định lại theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 103 của Luật Đất đai và Khoản 3 Điều này; hộ gia đình, cá nhân không phải nộp tiền sử dụng đất, được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất đối với diện tích đã được xác định lại là đất ở".

Thứ hai, về trình tự, thủ tục xác định lại diện tích đất ở:

- Tại Điều 2 Mục 47 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai quy định:

"Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai

47. Bổ sung Điều 72a như sau:

Điều 72a. Trình tự, thủ tục xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận: Trình tự, thủ tục xác định lại diện tích đất ở theo quy định tại Điểm b, Khoản 5 Điều 24 của Nghị định này thực hiện như sau:

1. Người sử dụng đất nộp 1 bộ hồ sơ đề nghị xác định lại diện tích đất ở tại nơi nộp hồ sơ quy định tại Điều 60 của Nghị định này;

2. Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ khi cấp Giấy chứng nhận trước đây, nếu đủ điều kiện xác định lại diện tích đất ở theo quy định tại khoản 5 Điều 24 của Nghị định này thì trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 37 của Nghị định này để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; cập nhật chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người sử dụng đất hoặc gửi UBND cấp xã để trao đổi với trường hợp nộp hồ sơ tại cấp xã".

- Căn cứ khoản 3 Điều 60 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 19 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020:

"19. Sửa đổi, bổ sung Điều 60 như sau:

Điều 60. Nộp hồ sơ và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai

3. Địa phương đã tổ chức bộ phận một cửa để thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của Chính phủ thì các cơ quan quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thông qua bộ phận một cửa theo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục đăng ký đất đai, tài sản khác gắn liền với đất, cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận tại địa điểm ngoài trụ sở Văn phòng Đ*, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai theo nhu cầu của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất".*

- Căn cứ khoản 13 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 2 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021:

"Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 quy định về hồ sơ địa chính

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT và Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT) như sau:

Điều 9. Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất

13. Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình,cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận, gồm có:

a) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;

b) Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp".

Thứ ba, về thẩm quyền xác định loại đất và thẩm quyền xác định lại diện tích đất ở:

- Theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014:

"Điều 3. Xác định loại đất

Việc xác định loại đất đối với trường hợp sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây:

5. Cơ quan xác định loại đất quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Trường hợp thu hồi đất thì cơ quan có thẩm quyền xác định loại đất là cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai."

Và mục 4 khoản 1 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017:

"Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

Điều 3. Xác định loại đất

4. Cơ quan xác định loại đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư; là Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở. Trường hợp thu hồi đất thì cơ quan có thẩm quyền xác định loại đất là cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp thửa đất có cả đối tượng thuộc thẩm quyền xác định loại đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện thì cơ quan xác định loại đất là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh".

- Tại Công văn số 2029/STNMT-ĐK ngày 13/11/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q hướng dẫn về trình tự, thủ tục xác định lại diện tích đất ở trong trường hợp thửa đất có vườn, ao trên Giấy chứng nhận đã cấp, thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì xác nhận vào Đơn đề nghị xác định lại diện tích đất ở trong trường hợp thửa đất ở có vườn, ao (Mẫu số 09A/ĐK) của công dân, chuyển thông tin địa chính đến cơ quan Thuế sau khi được UBND cấp huyện xác nhận; khi Chi

nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ghi nội dung diện tích đất ở được xác định lại Giấy chứng nhận đã cấp (vào cột "Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý") thì UBND cấp huyện cũng là cơ quan có thẩm quyền ký xác nhận vào cột "Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền" trên Giấy chứng nhận đã cấp.

Sau đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Q đã ban hành Công văn số 5417/UBND-KTN ngày 19/8/2021 V/v giải quyết một số tồn tại, vướng mắc trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Văn bản này đã nêu rõ: *"Đối với Giấy chứng nhận đã cấp trước 01/7/2014 cho hộ gia đình, cá nhân nay người sử dụng đất có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở trong trường hợp thửa đất có vườn, ao trong cùng thửa đất ở có nhà ở, đề nghị UBND cấp huyện xem xét thực hiện việc xác nhận diện tích đất ở vào Giấy chứng nhận đã cấp đảm bảo theo quy định tại Điều 103 Luật Đất đai và* Sở T *thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất".*

Như vậy, nội dung quy định tại Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, khoản 1 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP và Công văn 2029/STNMT-ĐK, Công văn 5417/UBND-KTN đã xác định rõ thẩm quyền xác định loại đất và thẩm quyền xác định lại diện tích đất ở thuộc về UBND cấp huyện mà cụ thể trong trường hợp này thẩm quyền thuộc về UBND thành phố H.

Thứ tư: Diện tích đất được xác định là đất ở:

Căn cứ theo khoản 2 Điều 103 Luật Đất đai:

"Điều 103. Xác định diện tích đất ở đối với trường hợp có vườn, ao

2. Đối với trường hợp thửa đất ở có vườn, ao được hình thành trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định theo giấy tờ đó.

Trường hợp trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật này chưa xác định rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được công nhận không phải nộp tiền sử dụng đất được xác định bằng không quá 05 lần hạn mức giao đất ở quy định tại khoản 2 Điều 143 và khoản 4 Điều 144 của Luật này".

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Quyết định 15/2020/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q:

"Điều 6. Phân định khu vực để áp dụng hạn mức giao đất, hạn mức công nhận quyền sử dụng các loại đất trên địa bàn tỉnh

2. Khu vực II:

c) Các xã và các khu vực ngoại thị trấn thuộc các huyện, thành phố : Đ, Duy X, T, N, Q, H, T, P (trừ xã T*); khu vực ngoại thị trấn thuộc các* huyện T, H*".*

Trường hợp của gia đình tôi thuộc khu vực II do đó căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 7 Quyết định 15/2020/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q:

"Điều 7. Hạn mức giao đất ở

1. Diện tích đất ở giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân để xây dựng nhà ở được phân theo khu vực quy định tại Điều 6 của Quy định này như sau:

b) Đối với khu vực II: không quá 300 m^2".

Và căn cứ theo khoản 1 Điều 8 Quyết định 15/2020/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q:

"Điều 8. Diện tích công nhận đất ở trong trường hợp thửa đất ở có vườn, ao

1. Trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở được hình thành trước ngày 18/12/1980, người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 100, Luật Đất đai và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai (sau đây gọi tắt là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP) và khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định thi hành Luật Đất đai (sau đây gọi tắt là Nghị định số 01/2017/NĐ-CP) mà giấy tờ đó đã xác định rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được xác định theo giấy tờ đó.

Trường hợp trong các loại giấy tờ đó chưa xác định rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được công nhận không phải nộp tiền sử dụng đất bằng diện tích thực tế của thửa đất đối với trường hợp diện tích thửa đất nhỏ hơn 05 lần hạn mức giao đất ở; bằng 05 lần hạn mức giao đất ở đối với trường hợp diện tích thửa đất lớn hơn 05 lần hạn mức giao đất ở theo quy định tại Điều 7 Quy định này; phần diện tích còn lại sau khi đã xác định diện tích đất ở thì được xác định sử dụng vào mục đích hiện trạng đang sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Đất đai."

Như vậy, đối chiếu với quy định này, diện tích còn lại của thửa đất số 183 (639) là 833,4m^2 (sau khi trừ đi phần diện tích 300m^2 trong hạn mức) có nguồn gốc, mục đích, hiện trạng sử dụng đáp ứng đủ điều kiện để được công nhận là đất ở.

Theo những căn cứ nêu trên, hộ gia đình ông có đầy đủ các điều kiện cũng như thực hiện đúng các thủ tục luật định để được Ủy ban nhân dân thành phố H xác định lại diện tích đất ở. Tuy nhiên, Chi nhánh Văn phòng Đ thuộc Văn phòng Đ và Trung tâm Hành chính công thành phố H thuộc Ủy ban nhân dân thành phố H lại chuyển trả toàn bộ hồ sơ của hộ gia đình ông là không thực hiện đúng nhiệm vụ, công vụ được giao, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Do đó, người khởi kiện ông Bùi Ngọc g nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án:

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H và Văn phòng Đ tiếp nhận hồ sơ xác định đất ở của thửa đất số 183 (639), tờ bản đồ số 01 (10) tại thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam của hộ ông Bùi N và công nhận toàn bộ loại đất ở đối với diện tích đất 833,4m^2 thuộc thửa đất số 183 (639), tờ bản đồ số 01 (10) tại thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Bùi Ngọc t đúng quy định của pháp luật.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố H ***và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:***

Thửa đất ông Bùi N đang khởi kiện có nguồn gốc được thể hiện qua các thời kỳ quản lý đất đai như sau: Theo hồ sơ Chỉ thị số 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ là một phần diện tích của thửa đất số 385, tờ bản đồ số 6 xã C, diện tích 964m^2, loại đất có ký hiệu "T", thể hiện ông Bùi C1 là người sử dụng. Theo hồ sơ Nghị định số 64/CP của Chính phủ là thửa đất số 183, tờ bản đồ số 1 xã C, diện tích 1.156m^2, loại đất có ký hiệu "T", do ông Bùi N đứng tên kê khai, đăng ký. Theo hồ sơ đo mới V.2000 tại xã C là thửa đất số 639, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.596m^2, loại đất có ký hiệu "ONT" do ông Bùi N đứng tên kê khai, đăng ký.

Thửa đất số 639 (183), tờ bản đồ số 10 (01), xã C (được UBND thị xã H (nay là thành phố H) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 218675 ký ngày 15/01/1997 cho hộ ông Bùi N trên cơ sở hồ sơ đăng ký theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ. Thửa đất số 639 (183), tờ bản đồ số 10 (01), xã C, diện tích 1.156m^2 (gồm 300m^2 đất ở và 856m^2 đất trồng cây lâu năm) được Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ Hội An vẽ Trích lục ngày 07/01/2019 và ký xác nhận Trang 4 ngày 07/01/2019.

Theo Thông báo số 304/TLST-HC ngày 26/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc Thụ lý vụ án thì nội dung người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết là: Buộc UBND thành phố H và Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Đ tiếp nhận hồ sơ xác định đất ở của thửa đất 639 (183), tờ bản đồ số 10 (01), xã C của hộ ông Bùi N và công nhận toàn bộ loại đất ở đối với diện tích đất 833,4m^2 theo đúng quy định của pháp luật.

1. Về trình tự, thủ tục:

Đối với yêu cầu của người khởi kiện, UBND Thành phố nhận thấy: Về trình tự, thủ tục xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận được quy định cụ thể tại Khoản 47 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai:

"Trình tự, thủ tục xác định lại diện tích đất ở theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 24 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính

phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thực hiện như sau:

1. Người sử dụng đất nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị xác định lại diện tích đất ở tại nơi nộp hồ sơ quy định tại Điều 60 của Nghị định này.

2. Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ khi cấp Giấy chứng nhận trước đây, nếu đủ điều kiện xác định lại diện tích đất ở theo quy định tại khoản 5 Điều 24 của Nghị định này thì trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 37 của Nghị định này để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; cập nhật, chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người sử dụng đất hoặc gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để trao đổi với trường hợp nộp hồ sơ tại cấp xã".

Đồng thời, theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ T2 quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ T2 quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ T2 quy định về hồ sơ địa chính thì: *"trường hợp thay đổi quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư này (Thông tư 23/2014/TT-BTNMT) và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này do cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 37 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thực hiện"*. Mà theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư 23/2014/TT-BTNMT thì các trường hợp xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp khi đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất, trong đó có trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất và theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì cơ quan thực hiện là Sở T.

Về hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận được quy định cụ thể tại khoản 6 Điều 7 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của của Bộ T2 Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai:

"13. Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận bao gồm:

a) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;

b) Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp".

Căn cứ các quy định trên cho thấy việc xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố H.

Đồng thời, thửa đất số 639 (183), tờ bản đồ số 10 (01), xã C, diện tích 1.156m^2 (gồm 300m^2 đất ở và 856m^2 đất trồng cây lâu năm) được Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ Hội An vẽ Trích lục ngày 07/01/2019 và ký xác nhận trang 4 ngày 07/01/2019. Như vậy, thửa đất trên đã được cơ quan nhà nước xác định lại diện tích đất ở cụ thể theo hạn mức vào năm 2019 dựa trên nhu cầu tự nguyện của công dân. Hiện nay, công dân yêu cầu thực hiện lại thủ tục công nhận toàn bộ diện tích đất là đất ở theo hồ sơ 299/TTg là không có cơ sở do vụ việc đã được giải quyết dứt điểm vào năm 2019, công dân không có khiếu nại, khiếu kiện, đến nay, thời hạn, thời hiệu yêu cầu giải quyết đã hết.

2. Về nội dung công nhận đất ở:

Căn cứ theo Kết luận Thanh tra số 927/KL-BTNMT ngày 06/3/2019, Bộ T2 đã nêu rõ: Việc người sử dụng đất chỉ có tên sử dụng đất ở ghi trong tờ bản đồ, sổ mục kê lập năm 1983 (hồ sơ 299/TTg của thành phố H chỉ có tờ bản đồ và sổ mục kê được lập năm 1983) thuộc trường hợp sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Do đó, trường hợp của ông Bùi Ngọc k đủ điều kiện để xác định lại diện tích đất ở theo hồ sơ 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Ngoài ra, việc xác định lại diện tích đất ở đối với các trường hợp sử dụng diện tích đất không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật Đất đai và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP mà đất đã sử dụng ổn định từ trước ngày 15/10/1993 (trường hợp ông Bùi N đang có đơn khởi kiện) đã được UBND tỉnh Q quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 ban hành quy định hạn mức giao, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Hiện nay, UBND Thành phố đã có Tờ trình số 148/TTr-UBND ngày 08/9/2023 để xin ý kiến hướng dẫn của Sở T3 về trình tự, thủ tục thực hiện. Do đó, sau khi có hướng dẫn của Sở T3, nếu hộ ông Bùi Ngọc c nhu cầu thì thực hiện thủ tục xác định diện tích đất ở theo nhân khẩu, đối với thửa đất số 639 (183), tờ bản đồ số 10 (01), xã C, để được xem xét, giải quyết theo quy định (nếu đủ điều kiện).

Từ các dẫn chứng trên, đề nghị Tòa án xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người bị kiện Văn phòng Đ ***trình bày:***

Chi nhánh Văn phòng Đ có tiếp nhận hồ sơ của hộ ông Bùi Ngọc d Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố H chuyển đến. Qua kết quả thẩm tra hồ sơ, tài liệu có liên quan, Chi nhánh Văn phòng Đ nhận thấy: Ngày 16/8/2018, UBND thành phố H có Công văn số: 2783/UBND gửi Trung tâm Hành chính công thành phố H về việc tạm dừng tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đề nghị công nhận đất ở trên địa bàn thành phố H. Do vậy, Chi nhánh Văn phòng Đ có Công

văn số: 366/CNVPĐKĐĐ ngày 17/8/2022 thông tin phản hồi nội dung giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đối với hồ sơ của hộ ông Bùi Ngọc .

Theo hướng dẫn của UBND tỉnh Q tại khoản 9, Công văn số: 5417/UBND-KTN ngày 19/8/2021 về việc giải quyết một số tồn tại, vướng mắc trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường đối với việc xác nhận lại diện tích đất ở vào Giấy chứng nhận đã cấp trước ngày 01/7/2014, cụ thể: "Đối với Giấy chứng nhận đã cấp trước ngày 01/7/2014 cho hộ gia đình, cá nhân nay người sử dụng đất có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở trong trường hợp thửa đất ở có vườn, ao trong cùng thửa đất ở có nhà ở, đề nghị UBND cấp huyện xem xét thực hiện việc xác nhận diện tích đất ở vào Giấy chứng nhận đã cấp đảm bảo theo quy định tại Điều 103 Luật Đất đai 2013 và Sở T thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất".

Việc tiếp nhận hồ sơ được thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố H. Chi nhánh Văn phòng Đ sẽ tiếp nhận hoàn thiện hồ sơ khi công dân nộp đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 188/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32; khoản 1 Điều 115, khoản 2 Điều 116, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính 2015;

Căn cứ Điều 11, khoản 1 Điều 100, khoản 2 Điều 103 Luật đất đai 2013; Điều 18, Điều 24 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Ngọc đối v *các yêu cầu:*

- *Buộc* Ủy ban nhân dân thành phố H *và* Văn phòng Đ *tiếp nhận hồ sơ xác định đất ở của thửa đất số 183 (639), tờ bản đồ số 01 (10) tại* thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam *của hộ ông* Bùi Ngọc .

- *Buộc* Ủy ban nhân dân thành phố H *công nhận toàn bộ loại đất ở đối với diện tích đất 833,4m^2 thuộc thửa đất số 183 (639), tờ bản đồ số 01 (10) tại* thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam *cho hộ ông* Bùi Ngọc . *Kèm theo Trích lục bản đồ số 1560/CNVPĐKĐĐ* H *ngày 21/3/2019.*

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 06/10/2023, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố H có đơn kháng cáo với lý do Bản án sơ thẩm xét xử không đúng pháp luật, cụ thể, về

trình tự, thủ tục và trách nhiệm là không đúng quy định tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 20/5/2023 của Chính phủ; Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của của Bộ T2; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của của Bộ T2, trách nhiệm thực hiện việc xác định lại diện tích đất ở là của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, không thuộc thẩm quyền của UBND thành phố H; về việc buộc công nhận đất ở cho ông N là không đúng quy định tại Điều 100 Luật Đất đai và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP. Do đó, UBND thành phố H yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm; bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Ngọc .

Ngày 12/10/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 28/QĐ-VKS-HC, ngày 12/10/2023, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân thành phố H tiếp nhận hồ sơ xác định đất ở của thửa đất số 183 (639), tờ bản đồ số 01 (10) tại thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam của hộ ông Bùi N; bác phần buộc Văn phòng Đ tiếp nhận hồ sơ xác định đất ở của thửa đất số 183 (639), tờ bản đồ số 01 (10) tại thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam của hộ ông Bùi N và bác yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố H công nhận toàn bộ loại đất ở đối với diện tích đất 833,4m^2 thuộc thửa đất số 183 (639), tờ bản đồ số 01 (10) tại thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Bùi Ngọc .

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ủy ban nhân dân thành phố H và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên kháng cáo và kháng nghị.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, sửa Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Xem xét về đối tượng khởi kiện, xét thấy: Theo Đơn khởi kiện ngày 28/10/2022, ông N yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố H và Văn phòng Đ tiếp nhận hồ sơ xác định đất ở của thửa đất số 183 (639), tờ bản đồ số 01 (10) tại thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam của hộ ông Bùi N (bút lục 01 đến

05). Tại đơn khởi kiện ngày 12/6/2023, ngoài nội dung nêu trên, ông N yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố H công nhận toàn bộ loại đất ở đối với thửa đất nêu trên cho hộ ông Bùi Ngọc . Nhận thấy, đối tượng ông N khởi kiện vụ án hành chính là hành vi không được tiếp nhận, hồ sơ bị trả lại của UBND và Chi nhánh VPĐKĐĐ thành phố H, do hồ sơ bị hoàn trả nên hành vi trên là hành vi hành chính bị khởi kiện, đối với yêu cầu buộc UBND thành phố H công nhận đất ở, do hồ sơ chưa được tiếp nhận nên chưa được các cơ quan chức năng và UBND thành phố H xem xét cụ thể, nên hành vi hành chính chưa xảy ra. Do vậy, đối tượng bị khởi kiện hành chính trong vụ án này là hành vi trả hồ sơ xin điều chỉnh diện tích đất ở của ông N, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cả 02 đối tượng khi kiện mà ông N yêu cầu là không đúng, vì do hành vi hành chính về việc yêu cầu buộc UBND thành phố H công nhận đất ở chưa xảy ra, trường hợp sau khi đã tiếp nhận, xem xét nhưng không công nhận thì ông N có thể khởi kiện bằng một vụ án hành chính khác.

- Đối với các vấn đề tố tụng khác, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng khởi kiện, thẩm quyền và thời hiệu giải quyết vụ án theo Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

- Kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam là hợp lệ, trong thời hạn luật định.

Đây là phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai, người kháng cáo xin xét xử vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xem xét yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố H công nhận toàn bộ loại đất ở đối với diện tích đất 833,4m^2 thuộc thửa đất số 183 (639), tờ bản đồ số 01 (10) tại thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Bùi Ngọc . Xét thấy, như đã nhận định tại phần [1.1] Về thủ tục tố tụng, việc xem xét công nhận đất ở cho hộ ông Bùi Ngọc p thông qua một trình tự do pháp luật quy định, trước khi cơ quan có thẩm quyền thống nhất thì có nhiều cơ quan chức năng của Nhà nước *(Công chức địa chính, UBND cấp xã, cơ quan đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên Môi trường)* xem xét, đánh giá, thẩm định và ký xác nhận. Vì hồ sơ của ông N chưa được tiếp nhận, do vậy, các cơ quan chức năng nêu trên chưa thực hiện trình tự do pháp luật quy định, hành vi và quyết định hành chính chưa xảy ra, nhưng tại Bản án sơ thẩm đã xem xét yêu cầu khởi kiện của ông N, buộc Ủy ban nhân dân thành phố H công nhận toàn bộ loại đất ở đối với diện tích đất 833,4m^2 thuộc thửa đất số 183 (639), tờ bản đồ số 01 (10) tại thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam là chưa có cơ sở. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố H và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, sửa Bản án sơ thẩm, bác một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố H công nhận đất ở đối với thửa đất nêu trên của ông Bùi Ngọc . Với nhận định nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đánh giá về nội dung công nhận đất ở của ông N khởi kiện.

[2.2] Xem xét yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố H và Văn phòng Đ tiếp nhận hồ sơ xác định đất ở của thửa đất số 183 (639), tờ bản đồ số 01 (10) tại thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam của hộ ông Bùi Ngọc . Xét thấy:

[2.2.1] Theo trình bày về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng, hồ sơ đăng ký, kê khai và GCNQSDĐ đã cấp của ông N, thì việc ông N gửi hồ sơ yêu cầu xác định diện tích đất ở đối với thửa đất nêu trên, theo quy định của pháp luật về đất đai là đủ điều kiện để các cơ quan Nhà nước có chức năng, thẩm quyền tiếp nhận để xem xét theo quy định, nhưng do bị trả lại hồ sơ nên ông N đã tiến hành khởi kiện về hành chính không tiếp nhận hồ sơ là phù hợp với quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2015; mặc khác, sau khi xét xử sơ thẩm, Văn phòng Đ cũng không kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm.

[2.2.2] Xem xét các quy định của pháp luật liên quan việc xác định đất ở thấy rằng, theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Đất đai quy định UBND cấp huyện quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân; theo quy định tại khoản 47 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính Phủ đã bổ sung Điều 72a của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013 quy định về trình tự, thủ tục xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận: "*1. Người sử dụng đất nộp một bộ hồ sơ đề nghị xác định lại diện tích đất ở tại nơi nộp hồ sơ quy định tại Điều 60 của Nghị định này";* tại khoản 3 Điều 60 của Nghị định 43 quy định rõ "*Địa phương đã tổ chức bộ phận một cửa để thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của Chính Phủ thì các Cơ quan quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thông qua bộ phận một cửa theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*"; tại Công văn số 5417/UBND-KTN ngày 19/8/2021 của UBND tỉnh Q đã xác định rõ: "*Đối với Giấy chứng nhận đã cấp trước 01/7/2014 cho hộ gia đình, cá nhân nay người sử dụng đất có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở trong trường hợp thửa đất ở có vườn, ao trong cùng thửa đất ở có nhà ở, đề nghị UBND cấp huyện xem xét thực hiện việc xác nhận diện tích đất ở vào Giấy chứng nhận đã được cấp đảm bảo theo quy định tại Điều 103 Luật Đất đai 2013 và* Sở T *thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất*." Đặc biệt, Hồ sơ theo mẫu số 09/ĐK là Đơn đăng ký biến động đất đai, mục đích của người sử dụng đất là chuyển từ đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất vườn, ao thành đất ở thì phải có nhiều cơ quan chức năng của Nhà nước *(Công chức địa chính, UBND cấp xã, cơ quan đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên Môi trường)* xem xét, đánh giá, thẩm định và ký xác nhận trước khi cơ quan có thẩm quyền công nhận đất ở.

Xét thấy, Ủy ban nhân dân thành phố H và Văn phòng Đ hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ là những cơ quan Nhà nước được tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và chức năng do luật định, đối chiếu với các quy định của pháp luật và Hồ sơ theo mẫu số 09/ĐK nêu trên thì việc tiếp nhận hồ sơ, thực hiện yêu cầu của ông Bùi N liên quan đến trách nhiệm giải

quyết của nhiều cơ quan chức năng, trong đó có trách nhiệm của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai và UBND thành phố H, tuy nhiên, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ ban hành Công văn số 366/CNVPĐKĐĐ V/v thông tin phản hồi nội dung tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả của Chi nhánh Văn phòng Đ với nội dung cho rằng không có quy định, không thuộc trách nhiệm giải quyết của mình, Bộ phận tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ của UBND thành phố H trả lại toàn bộ hồ sơ của ông Bùi N, còn UBND thành phố H có ý kiến và quan điểm cho rằng việc xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố H và thời hạn, thời hiệu yêu cầu giải quyết đã hết là không đúng. Tại Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố H và Văn phòng Đ tiếp nhận hồ sơ xác định đất ở của thửa đất số 183 (639), tờ bản đồ số 01 (10) tại thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam của hộ ông Bùi Ngọc l có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của UBND thành phố H; một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, sửa Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm, bác một phần yêu cầu của người khởi kiện ông Bùi Ngọc v1 việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố H công nhận toàn bộ loại đất ở đối với diện tích đất 833,4m^2 thuộc thửa đất số 183 (639), tờ bản đồ số 01 (10) tại thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, sau khi tiếp nhận lại hồ sơ giải quyết, trường hợp không đồng ý với kết quả giải quyết thì ông N có quyền khiếu kiện theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo nên UBND thành phố H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho UBND thành phố H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính 2015; chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của UBND thành phố H; một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, sửa một phần Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 188/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng Điều 59, Điều 100, khoản 2 Điều 103 Luật đất đai 2013; Điều 18, Điều 24 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính Phủ.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Ngọc đối v yêu cầu:

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H và Văn phòng Đ tiếp nhận hồ sơ yêu cầu xác định đất ở của thửa đất số 183 (639), tờ bản đồ số 01 (10) tại thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam của hộ ông Bùi Ngọc .

2/ Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Ngọc đối v yêu cầu:

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H công nhận toàn bộ loại đất ở đối với diện tích đất 833,4m^2 thuộc thửa đất số 183 (639), tờ bản đồ số 01 (10) tại thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Bùi Ngọc .

3/ Về án phí hành chính sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/ Về án phí hành chính phúc thẩm: Áp dụng khoản 2, Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Ủy ban nhân dân thành phố H không phải chịu án phí, hoàn trả lại 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm tại Biên lai số 0000600, ngày 19/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam *(do ông* Nguyễn Văn Quốc V1 *nộp)* cho Ủy ban nhân dân thành phố H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Thi